

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/6/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải

2. Ông Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/HNGĐ ST- QĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ninh Thị K - sinh năm 1985; dân tộc: nùng;

Cư trú tại: tổ MS, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

(có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1983; dân tộc: tày;

Cư trú tại: tổ MS, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ninh Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Ninh Thị K và anh Nguyễn Văn D kết hôn vào ngày 06/3/2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 21/8/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện QU, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 24/4/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh D có sử dụng ma túy và vợ chồng mâu thuẫn với nhau về tài chính, không thống nhất; dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau nhưng không có xô xát. Gia đình, bạn bè có khuyên bảo và vận động anh D đi cai nghiện được 02 tháng, tuy nhiên sau khi trở về anh D lại tiếp tục sử dụng ma túy. Gia đình hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 30/4/2018, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại tòa chị K xác định vợ chồng không còn tình cảm và yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh D.

- Về con chung: quá trình chung sống chị K và anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Trà M (giới tính: nữ) - sinh ngày 04/8/2008. Sau khi ly hôn, chị K sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: chị K xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận về phần tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2018 đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn D, anh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh D nhất trí với ý kiến của chị K về điều kiện và thời gian kết hôn. Anh D cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 4/2018 chị K tự động bỏ nhà ra đi và từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh D nhất trí vì xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

- Về con chung: quá trình chung sống chị K và anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Trà M (giới tính: nữ) - sinh ngày 04/8/2008. Sau khi ly hôn, anh D tôn trọng sự lựa chọn của con chung về việc muốn sống với bố hoặc mẹ và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: anh D xác nhận vợ chồng không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung.

Nợ chung, nợ riêng: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngày 18/5/2018 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Trà M là con chung của chị K và anh D, theo đó cháu cho rằng trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với chị K, vì chị K có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn anh D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy chị K và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị K yêu cầu ly hôn anh D cũng nhất trí. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh D cả hai bên đều xác định không thể hàn gắn được, do đó cần thiết phải cho

chị K và anh D ly hôn. Về con chung: hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và giao con chung cho chị K nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị K và anh D đều không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đặt ra vấn đề xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, công bố lời khai của bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: chị Ninh Thị K viết đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” với anh Nguyễn Văn D, cả hai đương sự đều có nơi cư trú tại tổ MS, phường SB, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh D có đơn xin hòa giải, đổi chất xét xử vắng mặt tại tòa án nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Ninh Thị K kết hôn với anh Nguyễn Văn D vào năm 2008, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 21/8/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện QU, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Ninh Thị K và anh Nguyễn Văn D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử xét thấy: chị K và anh D đều nhất trí ly hôn. Tình trạng hôn nhân của hai bên hiện nay đã đến mức trầm trọng, điều đó thể hiện được trong thời gian sống ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay chị K và anh D không gặp gỡ để hòa giải hàn gắn, không tìm hướng giải quyết để đoàn tụ gia đình. Chị K và anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó, trong khi đó quyền và nghĩa vụ vợ chồng được ghi nhận trong quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị K và anh D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền,*

nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Do đó, cho chị K và anh D ly hôn theo như các bên yêu cầu cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về con chung: chị K và anh D có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Trà M (giới tính: nữ) - sinh ngày 04/8/2008.

Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay con chung còn nhỏ và đang ở với chị K, do đó việc giao con cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung đến khi con đủ 18 là phù hợp, cần thiết, đảm bảo điều kiện vật chất, nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung. Đồng thời, cháu Nguyễn Thị Trà M mong muốn được ở với mẹ, anh D cũng tôn trọng lựa chọn của con và không có ý kiến gì. Các bên cũng không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Như vậy, giao con chung cho chị K nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: chị K và anh D đều không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: chị Ninh Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Ninh Thị K và anh Nguyễn Văn D.

[2] Về nuôi con chung: giao con chung tên là Nguyễn Thị Trà M (giới tính: nữ) - sinh ngày 04/8/2008 cho chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

[3] Về chia tài sản chung: không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng do các bên không yêu cầu.

[4] Về án phí: chị Ninh Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000300

ngày 13/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Chị Kiều đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: chị Ninh Thị K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Na